

Châu Thành, ngày 13 tháng 5 năm 2022

Số: 34/2022/QĐST-DS

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 02 Điều 357 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 05 tháng 5 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 241/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S

Địa chỉ: 19-21-23-25 Nguyễn H, Phường Bến N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Anh D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Theo quyết định số: 625/NQ-HĐQT.20.00 ngày 07/12/2020 của Hội đồng Quản trị ngân hàng TMCP S.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nhan Thành N – Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh SCB Trà Vinh. Theo quyết định số 54/QĐ-TGD.21.00 ngày 31/8/2021 của tổng giám đốc Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ: 102A Phạm Hồng T, Phường 2, Thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- Ông Nhan Thành N ủy quyền cho ông Trịnh Tăng Việt T - Giám đốc Phòng khách hàng Cá nhân. (Theo văn bản ủy quyền ngày 04/5/2022)

Bị đơn: 1/ Ông Trần Văn M, sinh năm 1975.

2/ Bà Phạm Thị Y, sinh năm 1977.

Cùng trú tại: ấp C, xã T, huyện C tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự về số tiền trả, thời gian trả và án phí cụ thể như sau:

**Về số tiền phải trả:** Ông Trần Văn M và bà Phạm Thị Y tự nguyện trả ngay cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền vay còn nợ tính tới ngày 05 tháng 05 năm 2022 là 100.263.220đồng (*Một trăm triệu hai trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm hai mươi đồng*). Trong đó số tiền vốn gốc là 98.500.000đồng (*Chín mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng*); tiền lãi trong hạn là 1.756.999đồng tiền lãi do chậm thanh toán là 6.221đồng (*Sáu nghìn hai trăm hai mươi một đồng*).

Phía Ngân hàng thương mại cổ phần S do ông Trịnh Tăng Việt T làm đại diện thống nhất sự tự nguyện của ông M, bà Y.

“Kể từ ngày 06 tháng 5 năm 2022 ông Trần Văn M và bà Phạm Thị Y còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”.

Trường hợp nếu ông M với bà Y không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 191850044/TD-SCB – CNTV ngày 05/7/2019 để thu hồi nợ.

**Về thời gian trả:** Ông Trịnh Tăng Việt T đại diện cho Ngân hàng thương mại cổ phần S với ông Trần Văn M và bà Phạm Thị Y tự nguyện thỏa thuận thời gian trả tiền cho Ngân hàng do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh giải quyết theo Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn M và bà Phạm Thị Y tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 2.507.000đồng (*Hai triệu năm trăm lẻ bảy nghìn đồng*).

- Ngân hàng thương mại cổ phần S không phải chịu án phí, hoàn trả lãi cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.592.617đồng (*Mười hai triệu năm trăm chín mươi hai nghìn sáu trăm mười bảy đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2020/0008654, ngày 24 tháng 3 năm 2022 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh thu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 09 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**Thẩm phán**

**Nguyễn Thị Liên**